ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
Số: 321/ĐA-ĐHKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2024

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ - NĂM 2024

Phần I. Thông tin về Trường Đại học Kinh tế - ĐHĐN

1.1. Thông tin chung về Trường Đại học Kinh tế - ĐHĐN

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 383 6169
Website: http://due.udn.vn/

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng tiền thân là Khoa Kinh tế thuộc Viện Đại học Đà Nẵng (sau đổi tên thành Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng) được thành lập vào tháng 7 năm 1975. Đến năm 1985, Khoa Kinh tế được tách ra thành Phân hiệu Đại học Kinh tế (ĐHKT) Đà Nẵng (trực thuộc Bộ GD&ĐT). Năm 1988, Phân hiệu ĐHKT Đà Nẵng lại sáp nhập với Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng và trở thành 02 Khoa của Trường Đại học Bách Khoa. Ngày 04 tháng 4 năm 1994, cùng với Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh được thành lập theo Nghị định số 32/CP của Chính phủ. Đến năm 2004, Trường chính thức được đổi tên thành Trường Đại học Kinh tế (thuộc ĐHĐN) và phát triển cho đến ngày nay.

Trường hiện có 12 khoa chuyên ngành, 01 bộ môn trực thuộc, 08 phòng chức năng, 08 trung tâm và 01 thư viện; đào tạo 19 ngành đại học, 07 ngành thạc sĩ, 04 ngành Tiến sĩ. Trải qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Kinh tế - ĐHĐN đã cung cấp cho đất nước trên 50.000 cử nhân, hàng nghìn thạc sĩ và tiến sĩ kinh tế. Những cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp từ Trường hiện đang có mặt trên mọi miền của Tổ quốc, nhiều người hiện đang nắm giữ các trọng trách cao nhất tại các địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức khác ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Với định hướng xây dựng Trường trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) về quản lý kinh tế - kinh doanh hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên, hoạt động NCKH đã có bước phát triển vượt bậc và gặt hái nhiều thành công trong giai đoạn 2015-2023, hướng hoạt động NCKH của Trường gắn liền với các yêu cầu thực tiễn của địa phương và khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Trong giai đoạn từ 2016-2023, các nhà khoa học của Nhà trường đã thực hiện thành công 02 đề tài cấp Nhà nước, 08 đề tài NAFOSTED, 72 đề tài NCKH cấp Bộ & tương đương, và gần 10 đề tài

liên kết địa phương, với tổng kinh phí đóng góp cho hoạt động NCKH lên đến gần 48 tỷ đồng.

Cũng trong giai đoạn trên, số lượng bài báo khoa học trong nước và quốc tế của giảng viên, nhà khoa học trong những năm qua không ngừng tăng lên với tổng số 278 bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong danh mục tạp chí WoS/Scopus, trong đó gần 20% bài báo được công bố trên nhóm các tạp chí top 10%, A*, Q1 của thế giới. Số lượng sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình đã nghiệm thu và xuất bản trong giai đoạn 2016 - 2023 là 65 đầu sách, trong đó số lượng giáo trình đại học và sau đại học đã tăng lên đáng kể so với giai đoạn 2010 - 2015.

Sự thành công trong hoạt động quản lý khoa học và đào tạo của Trường có sự đóng góp của việc xây dựng và tạo dựng môi trường học thuật và NCKH tại từng đơn vị trong trường dưới hình thức Nhóm Nghiên cứu & Giảng dạy (TRT) và Nhóm Đọc. Tính đến nay, Nhà trường đã có 6 Nhóm TRT đóng vai trò hạt nhân trong các định hướng nghiên cứu và 12 Nhóm đọc với tỷ lệ sinh hoạt đều đặn 1 báo cáo/ 1 tuần. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư và trang bị hệ thống các phòng nghiên cứu hiện đại, là một trong những trường đầu tiên của cả nước cung cấp phòng làm việc riêng cho tất cả tiến sĩ, PGS/GS làm việc tại Trường. Nhà trường cũng đầu tư mua mới các cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên đại học.

Hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) luôn được Nhà trường quan tâm và có những chính sách khuyến khích hỗ trợ nhằm thúc đẩy hoạt động này. Từ năm 2017 sau khi đã được giao thí điểm tự chủ đại học, Nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động đào tạo, NCKH với các đối tác nước ngoài thông qua các hoạt động như đồng tổ chức hội thảo khoa học quốc tế, thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi GV, SV, đồng nghiên cứu giữa GV của Trường với các nhà khoa học trên thế giới… Đặc biệt, thông qua các chương trình HTQT, Nhà trường đã triển khai thành công nhiều chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học có uy tín và xếp hạng cao của quốc tế. Trong giai đoạn 2015-2023, Nhà trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng hợp tác với gần 66 trường Đại học có uy tín trên thế giới ở nhiều quốc gia khác nhau như Hoa Kỳ, Canada, Anh Quốc, Ý, Pháp, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, Indonesia. Trên cơ sở các văn bản đã ký kết với đối tác, Trường ĐHKT đã tiếp nhận và chuyển tiếp hàng trăm sinh viên quốc tế đến thực tập và học trao đổi ngắn hạn và được chuyển tiếp học tập tại trường đối tác theo với các hình thức 2+2, 3+1.

1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ

Bảng 1. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong 5 năm gần đây

	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ tiêu tuyển mới	286	60	30	40	40
Số NCS tuyển mới	10	11	2	6	3
Quy mô đào tạo	50	50	60	63	59
Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS	9	15	7	4	4
Số NCS thôi học	1	8	1	2	7
Số bài báo ISI/Scopus công bố	62	51	57	66	42

1.3. Tổ chức và quản lý đào tạo

- Tên đơn vị quản lý đào tạo: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế - ĐHĐN
- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý NCS:

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành được đào tạo	Nhiệm vụ
1	Đoàn Ngọc Phi Anh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kế toán	Quản lý chung về đào tạo tiến sĩ
2	Đoàn Thị Liên Hương	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quy định, quy trình đào tạo tiến sĩ
3	Văn Thị Thanh Tú	Thạc sĩ	Kế toán	Các chuyên đề TS, Hội đồng đánh giá luận án
4	Lê Quang Đức	Thạc sĩ	Kế toán	Kế hoạch đào tạo tiến sĩ

1.4. Trang web về đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế

- Địa chỉ website: https://due.udn.vn/
- Các phân mục liên quan đến đào tạo tiến sĩ:
  + Chương trình đào tạo: http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/474;
  + Quy chế đào tạo tiến sĩ: http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/359;
  + Thông tin về tuyển sinh: http://due.udn.vn/saudaihoc2019;
  + Các thông báo (kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo vệ luận án, công bố luận án...): http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/1884;
  + Các biểu mẫu, hướng dẫn: http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/1968;
  + Tra cứu thông tin về luận án tiến sĩ: http://due.udn.vn/vi-vn/tracuu_tenlvan;
  + Tra cứu văn bằng tiến sĩ: http://due.udn.vn/vi-vn/tracuu_vanbang.

Phần II. Nội dung Đề án tuyển sinh

2.1 Lý do xây dựng đề án

Với mục tiêu xây dựng Nhà trường trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu; đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế luôn được quan tâm đẩy mạnh. Các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý cho cộng đồng đã không ngừng được mở rộng về quy mô và nâng cao về chất lượng. Trường hiện là một địa chỉ đáng tin cậy của cộng đồng các doanh nghiệp, của các địa phương trong khu vực khi có nhu cầu cần tư vấn giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình kinh doanh, quản lý.

Miền Trung và Tây Nguyên là những địa bàn đóng vai trò trọng yếu giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái của đất nước. Huy động các nguồn lực đầu tư nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên một cách bền vững là chủ trương của Đảng, Nhà nước và đang được các cấp, các ngành quan tâm, triển khai thực hiện. Trong đó phát triển nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ, có năng lực nghiên cứu là một trong những giải pháp chủ chốt, đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của giáo dục, kinh tế và xã hội của khu vực và của cả nước. Thứ nhất, tiến sĩ là lực lượng nghiên cứu khoa học chủ chốt trong các lĩnh vực chuyên môn. Các kết quả nghiên cứu, sáng tạo của đội ngũ này là cơ sở cho các đổi mới công nghệ và khoa học, góp phần cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất, làm gia tăng tính cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế. Thứ hai, tiến sĩ tham gia vào đội ngũ giảng dạy các trường đại học, đóng vai trò chủ đạo vào hoạt động tạo dựng và chuyển giao tri thức. Bên cạnh đó, tiến sĩ còn là các cá nhân có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề phức tạp; có thể đóng góp tích cực vào việc xây dựng chính sách và đưa ra giải pháp cho các vấn đề ở phạm vị địa phương, khu vực cũng như các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên tự nhiên và cải thiện chất lượng cuộc sống của con người…

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

a. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời

gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2.2.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I của Đề án này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố.

2.2.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Ghi chú: Người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có thể được Nhà trường yêu cầu thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh	9340101	20
2	Kế toán	9340301	15
3	Kinh tế phát triển	9310105	20
4	Tài chính - Ngân hàng	9340201	15

2.5. Điều kiện và năng lực nghiên cứu

2.5.1. Hỗ trợ công bố quốc tế

Nhằm thực hiện định hướng đại học nghiên cứu và tăng cường xếp hạng của ĐHĐN trên các bảng xếp hạng QS-Asia University Ranking và THE, Nhà trường đã có nhiều chính sách đẩy mạnh hoạt động công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín. Trong đó, Nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu sinh (NCS), đặc biệt chú trọng và khuyến khích NCS làm luận án bằng tiếng Anh

và bảo vệ luận án trước hội đồng có sự tham gia của các giáo sư có uy tín trong nước và nước ngoài đã có kinh nghiệm công bố quốc tế. Nhà trường khuyến khích NCS nâng cao chất lượng luận án, tham gia công bố quốc tế, khen thưởng giảng viên hướng dẫn NCS xuất sắc.

Nếu luận án viết bằng tiếng Việt có chất lượng tốt, kết quả nghiên cứu tốt, Trường hỗ trợ phí biên dịch và biên tập tiếng Anh cho bài báo để đăng trên các tạp chí WoS/Scopus theo quy định tài trợ bài báo quốc tế. Ngoài ra, NCS còn được Hiệu trưởng ghi nhận, tuyên dương và xướng tên trong lễ tốt nghiệp.

2.5.2. Tổ chức các Hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Nhà trường luôn tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về nhiều chủ đề khác nhau. Trong giai đoạn 2016-2023, Trường đã phối hợp với Hội đồng lý luận Trung ương, Ban Kinh tế trung ương, Bộ khoa học và Công nghệ, và các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo khoa học: 38 Hội thảo quốc tế và 37 Hội thảo quốc gia, hội thảo trong nước; trong đó, có rất nhiều các Hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia do Trường Đại học Kinh tế đứng ra tổ chức hoặc phối hợp đồng tổ chức đã tạo nên thương hiệu uy tín trong cộng đồng khoa học trong và ngoài nước, như Hội thảo quốc tế về Kế toán và Tài chính (ICOAF với 08 lần tổ chức thường niên), Hội thảo quốc tế về Quản trị và Kinh doanh (COMB, với 09 lần tổ chức thường niên), Hội thảo quốc tế về Marketing trong Kỷ nguyên kết nối,… Những đối tác của Nhà trường là những đại học có thương hiệu trên thế giới, như: Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Massey (New Zealand), Hiệp hội Chuyên gia & Nhà khoa học Việt Nam quốc tế (AVSE Global), Hiệp hội Tài chính Việt Nam quốc tế (VFAI), Đại học Quốc gia Yokohama (Nhật Bản) và Hiệp hội kế toán công chứng ACCA-Việt Nam.

Hoạt động kết nối khoa học để công bố quốc tế cũng là một nét mới đáng khích lệ của Nhà trường. Nhiều external seminar/workshop về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy được tổ chức với sự hỗ trợ và tham gia của các đối tác nước ngoài như Đại học Manchester (Vương quốc Anh), Đại học Heriot-Watt (Vương quốc Anh), Đại học Cardiff Metropolitan (Vương quốc Anh), Đại học Coventry (Vương quốc Anh), Đại học Monash (Úc), Đại học Deakin (Úc), Đại học Tây Úc (Úc), Đại học Nice – Sophia (Pháp), Đại học Cote D'azur (Pháp), Viện Công nghệ CIT (Ireland), Hiệp hội ACCA (Anh), Hiệp hội chứng chỉ nghề nghiệp CPA (Úc), Hiệp hội Logistics vùng Wallonia (Vương quốc Bỉ). Thông qua các Hội thảo quốc gia, quốc tế và internal/workshop khoa học, NCS và học viên sau đại học của Nhà trường có thêm các cơ hội để công bố sản phẩm nghiên cứu trong quá trình học tập tại Trường. Nhà trường có chính sách hỗ trợ 100%

phí tham dự Hội thảo, workshop cho các Nghiên cứu sinh và học viên cao học của Trường.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

Tuyển sinh nhiều đợt/năm theo đợt tuyển sinh tiến sĩ của Đại học Đà Nẵng.

2.7. Học phí

Học phí của chương trình đào tạo tiến sĩ năm học 2023-2024 áp dụng cho tất cả các ngành là 38.750.000 đồng.

Học phí các năm học tiếp theo có thể tăng theo lộ trình tăng học phí theo các quy định của Nhà nước nhưng không quá 10% mức học phí của năm trước liền kề.

2.8. Danh mục ngành phù hợp *

Ngành dự tuyển tiến sĩ	Mã số	Ngành phù hợp ở bậc thạc sĩ và đại học **
Quản trị kinh doanh	9340101	- Các ngành thuộc khối Kinh doanh và Quản lý
		-Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Ngành Quản lý công nghiệp - Các ngành thuộc khối Quản lý xây dựng - Ngành Tổ chức quản lý vận tải
		- Các ngành thuộc khối Du lịch, khối Khách sạn, nhà hàng
		- Các ngành thuộc khối Kinh tế học
Kế toán	9340301	- Các ngành thuộc khối Kinh doanh và Quản lý
		- Các ngành thuộc khối Kinh tế học
Kinh tế phát triển	9310105	- Các ngành thuộc khối Kinh tế học - Ngành Kinh tế công nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế lao động..
		- Các ngành thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý - Các ngành thuộc khối Toán và thống kê
Tài chính - Ngân hàng	9340201	- Các ngành thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý
		- Các ngành thuộc khối ngành Kinh tế học - Các ngành thuộc khối Toán và thống kê

* Ngành phù hợp trong danh mục này căn cứ theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/ 2022 của Bộ GD&ĐT quy định về Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Trường hợp ngành đào tạo thạc sĩ/đại học của ứng viên không

có trong quy định của Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định.

** Ngành đào tạo ở trình độ đại học được xem xét phù hợp hay không khi người dự tuyển chỉ có bằng đại học.

2.9. Danh mục các học phần bổ sung

- Đối với nghiên cứu sinh chỉ có bằng đại học ngành phù hợp đạt loại giỏi trở lên: học bổ sung kiến thức 45 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ đúng ngành của Trường Đại học Kinh tế. NCS phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trong vòng 36 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

- Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp: Tùy vào thời gian tốt nghiệp thạc sĩ, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, hướng nghiên cứu của luận án, sau khi NCS đã trúng tuyển, Nhà trường sẽ xác định tên học phần, số học phần và khối lượng tín chỉ ở trình độ thạc sĩ mà NCS cần phải học bổ sung.

Phần III. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Thư viện

Với sự nỗ lực không ngừng cùng với sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo Nhà trường, Thư viện đã tạo ra môi trường nghiên cứu, học tập, làm việc thân thiện, tích cực cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên của Trường đồng thời góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của Trường Đại học Kinh tế.

Tòa nhà 4 tầng với diện tích 2.365 m^2 trong đó diện tích phòng đọc 1.000 m^2 với 6 phòng đọc cùng các không gian đọc sách tiện ích và 500 chỗ ngồi với trang thiết bị hiện đại, nguồn lực thông tin lớn bao trùm cả hệ thống thư viện truyền thống (với tài liệu in) và Thư viện hiện đại (CSDL điện tử được mua từ các NXB nước ngoài).

Thư viện nằm trong hệ thống thư viện dùng chung cho các trường thành viên Đại học Đà Nẵng, được thụ hưởng các CSDL miễn phí từ ĐHĐN. Có thể khẳng định Thư viện Trường Đại học Kinh tế - ĐHĐN là một trong những thư viện hiện đại nhất trong hệ thống thư viện các trường đại học ở miền Trung.

Bảng 3. Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước, ngoài nước có khả năng kết nối và khai thác

TT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website
1	Thư viện các trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng	Việt Nam	http://libs.udn.vn/

2	ProQuest Central là CSDL toàn văn đa lĩnh vực, đa ngành lớn nhất trên thế giới hiện nay, cung cấp truy cập tới hơn 45 CSDL đầy đủ của NXB ProQuest bao phủ hơn 175 chủ đề với hơn 26.000 ấn phẩm (trong đó hơn 17.000 ấn phẩm toàn văn và hơn 13.000 tạp chí học thuật)		http://lhtv.vista.vn/
3	CSDL sách điện tử cơ bản chuyên ngành kinh tế Elsevier Ebooks collection bao gồm 578 sách điện tử	Vương Quốc Anh	https://www.csiencedirect.com
4	Bộ CSDL về kinh tế vĩ mô, tài chính - kế toán FiinPro của tập đoàn FiinGroup	Việt Nam	https://fiingroup.vn/DataAnalytics
5	Phần mềm chống sao chép tài liệu Turnitin	Hoa Kỳ	http://www.igroupvietnam.com/

3.1.2. Phòng làm việc

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân 10 m^2/1 người hướng dẫn
- Chỗ làm việc cho NCS tại Trường ĐHKT: bình quân 06 m^2/1 NCS

Nhà trường đã đầu tư và trang bị hệ thống các phòng nghiên cứu hiện đại. Với hơn 50 phòng làm việc, nghiên cứu hiện đại trong khu phức hợp hành chính - nghiên cứu, các NCS có một không gian nghiên cứu tập trung, chuyên nghiệp và làm việc trực tiếp với giáo viên hướng dẫn tại khu phức hợp này. Nhà trường cũng đầu tư mua mới các cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên.

3.1.3. Phòng thực hành phục vụ ngành đào tạo

Bảng 4. Danh sách phòng thực hành

TT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo tiến sĩ
1	Phòng thực hành Quản trị kinh doanh, Marketing	Máy tính, thiết bị thiết kế đồ họa, máy in màu Máy quay phim, bộ đèn chụp studio…	Quản trị kinh doanh
2	Phòng thực hành Kế toán	Máy tính để bàn, máy in	Kế toán, Tài chính - Ngân hàng
3	Phòng Nghiên cứu	Máy tính để bàn (có kết nối cơ sở dữ liệu nghiên cứu), máy in	Quản trị kinh doanh, kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế phát triển

3.1.4. Diện tích sàn, diện tích xây dựng và diện tích các cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghiên cứu: Xem Phụ lục II.

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có năng lực hướng dẫn NCS theo ngành

TT	Người hướng dẫn nghiên cứu sinh	Hướng đề tài nghiên cứu nhận nghiên cứu sinh
	NGÀNH KINH TẾ PHÁT TRIỂN	
1	GS.TS. Nguyễn Trường Sơn	Kinh tế công nghiệp.
2	GS.TS. Trương Bá Thanh	Kinh tế công nghiệp; Kinh tế lượng; Mô hình cân đối liên ngành, liên vùng; Phân tích dữ liệu.
3	GS.TS. Võ Xuân Tiến	Kinh tế nông nghiệp; Chính sách công; Phát triển nguồn nhân lực.
4	PGS.TS. Bùi Quang Bình	Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Kinh tế lao động.
5	PGS.TS. Đào Hữu Hòa	Kinh tế trang trại; phát triển nông nghiệp và nông thôn; Chính sách phát triển kinh tế - xã hội; An sinh xã hội.
6	PGS.TS. Nguyễn Thị Như Liêm	Kinh tế công nghiệp; Liên kết kinh tế.
7	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn	Mô hình cân bằng tổng thể; Mô hình cân đối liên ngành, liên vùng.
8	PGS.TS. Trương Hồng Trình	Mô hình kinh tế; Tăng trưởng kinh tế .
9	TS. Lê Bảo	Kinh tế phát triển; Kinh tế nông nghiệp.
10	TS. Lê Dân	Kinh tế lượng.
11	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Kinh tế học; Kinh tế phát triển.
12	TS. Nguyễn Hiệp	Kinh tế học; Kinh doanh quốc tế; Đầu tư trực tiếp nước ngoài…
13	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Kinh tế công nghiệp.
14	PGS. TS. Huỳnh Thị Diệu Linh	Kinh tế quốc tế; Quản trị Kinh doanh quốc tế.
15	TS. Ninh Thị Thu Thủy	Kinh tế phát triển; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế học.
16	TS. Trần Phước Trữ	Kinh tế lượng; Hệ thống tài khoản quốc gia.
	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	
1	GS.TS. Nguyễn Trường Sơn	Lãnh đạo, Văn hóa tổ chức; Quản trị chất lượng.

2	PGS. TS. Lê Văn Huy	Management (Quản trị); Innovation (Đổi mới); Business Analysis (Phân tích kinh doanh); Marketing Management (Quản trị marketing); Strategic Thinking (Tư duy chiến lược); Business Model Innovation (Đổi mới mô hình kinh doanh); Entrepreneurship (Khởi nghiệp); Technology & Innovation (Công nghệ & Đổi mới); SMEs Management (Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ).
3	PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên	Hành vi tổ chức, Lãnh đạo, Chuỗi cung ứng, Đổi mới.
4	PGS.TS. Trần Trung Vinh	Tài sản thương hiệu điểm đến; Hành vi du khách.
5	TS. Trương Trần Trâm Anh	Marketing và khởi nghiệp (Hành vi tiêu dùng bền vững, Influencer marketing, khởi nghiệp trong bối cảnh liên văn hóa).
6	TS. Trương Đình Quốc Bảo	Hành vi người tiêu dùng, Quản trị thương hiệu, Marketing xã hội và công nghệ, Phát triển bền vững và lãnh đạo.
7	TS. Hoàng Văn Hải	Quản trị tài chính; Quản trị sản xuất; Hội nhập kinh tế; Phân tích dữ liệu lớn.
8	TS. Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Quản trị nguồn nhân lực; Hành vi tổ chức
9	TS. Lê Thị Minh Hằng	Chuỗi cung ứng Chuỗi cung ứng xanh, Chuỗi cung ứng bền vững, Hành vi người tiêu dùng, Kinh doanh số.
10	TS. Bùi Trung Hiệp	Tối ưu hóa trong kinh doanh; Quản trị sản xuất; Quản trị Chuỗi cung ứng và Logistics.
11	TS. Trần Triệu Khải	Green Marketing, Social media marketing, Online consumer behavior
12	TS. Phan Hoàng Long	Quản trị tài chính; Tiêu dùng xanh; Quản trị kiến thức và đổi mới trong doanh nghiệp; Ảnh hưởng của mạng xã hội; Quản trị chiến lược.

13	TS. Lê Thị Bích Ngọc	Kinh doanh số (digital business); Chuyển đổi số (Digital transformation), Innovation (Đổi mới), Quản trị công ty (Corporate governance), Phát triển bền vững (Sustainable development), Kinh tế nền tảng (Flatform economy).
14	TS. Nguyễn Ngọc Uyên Phương	Phân tích bằng sáng chế, Quản trị công nghệ cải tiến, Quản trị dự án.
15	TS. Phan Thị Phú Quyến	Green marketing, Social media marketing, Online consumer behavior.
16	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	Điểm đến du lịch, Quản trị chất lượng, trải nghiệm khách hàng,đổi mới,chấp nhận/ tiếp tục sử dụng công nghệ
17	TS. Nguyễn Sơn Tùng	Transportation modeling, Travel behavior analysis (Phân tích hành vi đi lại), Entrepreneurship (khởi nghiệp), SMEs, Supply chain management (Quản trị chuỗi cung ứng).
	NGÀNH KẾ TOÁN	
1	GS.TS. Trương Bá Thanh	Chuẩn mực kế toán, chính sách kế toán của doanh nghiệp, quản trị lợi nhuận, chất lượng lợi nhuận; Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định; Cấu trúc tài chính, đánh giá tình trạng tài chính; Công bố thông tin.
2	PGS.TS. Đoàn Ngọc Phi Anh	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định; Công bố thông tin; Kế toán môi trường.
3	PGS.TS. Đường Nguyễn Hưng	Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa; Đo lường, nhận diện và quản trị rủi ro; Kiểm toán và kiểm soát nội bộ.
4	PGS.TS. Nguyễn Công Phương	Công bố thông tin; Mối liên hệ giữa kế toán và thuế; Tránh thuế; Sai sót báo cáo tài chính; Thiết lập chuẩn mực, chế độ kế

		toán;Chính sách kế toán của doanh nghiệp; quản trị lợi nhuận; chất lượng lợi nhuận; Cấu trúc tài chính, hiệu quả của công ty/tổ chức.
5	PGS.TS. Ngô Hà Tấn	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định.
6	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn	Kế toán quản trị; Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa.
7	PGS.TS. Hoàng Tùng	Cấu trúc tài chính, đánh giá tình trạng tài chính.
8	TS. Nguyễn Hữu Cường	Công bố thông tin, Chuẩn mực kế toán; Báo cáo công ty.
9	TS. Phạm Hoài Hương	Chuẩn mực kế toán; Kiểm toán và kiểm soát nội bộ; Công bố thông tin; Mối liên hệ giữa kế toán và thuế; Sai sót báo cáo tài chính; Quản trị lợi nhuận.
10	TS. Nguyễn Thị Xuân Linh	Quản trị công ty;Quản trị lợi nhuận; Kế toán môi trường.
11	TS. Đoàn Nguyễn Trang Phương	Quản trị công ty, hiệu quả và giá trị doanh nghiệp; Quản trị lợi nhuận;Kiểm toán và kiểm soát nội bộ; Công bố thông tin; Trách nhiệm xã hội.
12	TS. Nguyễn Lan Phương	Công bố thông tin; Quản trị công ty; Trách nhiệm xã hội.
13	TS. Nguyễn Thị Thúy Phượng	Công bố thông tin và phản ứng của thị trường; Chính sách tài chính doanh nghiệp và phản ứng của thị trường.
14	TS. Đoàn Thị Ngọc Trai	Chuẩn mực kế toán; Gian lận báo cáo tài chính; Công bố thông tin; Kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động; Kiểm soát nội bộ trong môi trường xử lý dữ liệu điện tử.
15	TS. Hà Phước Vũ	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định;

		Công bố thông tin;Quản trị công ty, hiệu quả và giá trị doanh nghiệp.
	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	
1	PGS.TS. Võ Thị Thúy Anh	Đo lường rủi ro và lợi tức trong đầu tư tài chính; Rủi ro và khả năng sinh lời của NHTM; Công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro; Các mô hình tài chính vĩ mô và ứng dụng; Cấu trúc vi mô và hiệu quả của thị trường tài chính: Vai trò của môi trường thể chế; Các quyết định tài chính trong doanh nghiệp; Khủng hoảng tài chính, tiền tệ và mô hình cảnh báo sớm.
2	PGS.TS. Lâm Chí Dũng	Quản trị ngân hàng và các định chế tài chính khác; Những vấn đề vĩ mô về tiền tệ, NH và thị trường tài chính; Tài chính vĩ mô; Tài chính nhà nước (Nghiệp vụ Kho bạc, Thuế, Ngân sách Nhà nước); Tài chính nông thôn.
3	PGS.TS. Đặng Tùng Lâm	Quyết định tài chính của doanh nghiệp (đầu tư, lựa chọn cấu trúc tài trợ); Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính (thanh khoản, thiết kế thị trường); Hiệu quả thị trường (hiệu quả thông tin và hiệu quả hoạt động); Định giá tài sản thực nghiệm; Truyền thông tài chính (uy tín truyền thông, mức độ chú ý truyền thông); Tài chính bền vững (trên các khía cạnh môi trường, xã hội và quản lý).
4	PGS.TS. Đặng Hữu Mẫn	Sáp nhập và mua bán: Lý thuyết & thực nghiệm; Rủi ro chính sách và môi trường thông tin công ty; Cấu trúc và sự lựa chọn chiến lược công ty trong mối tương quan

		với các quyết định tài chính công ty; Công bố thông tin và chất lượng kiểm toán.
5	PGS.TS. Nguyễn Hòa Nhân	Nghiên cứu cấu trúc vốn công ty; Vấn đề định giá công ty; Phân tích tài chính công ty; Phát triển hoạt động cho thuê tài chính; Phát triển hoạt động M&A; Phân tích tài chính dự án; Phân tích rủi ro dự án; Nghiên cứu vận dụng quyền chọn thực; Giải pháp về vốn, tài chính cho các hoạt động vĩ mô, cho các ngành kinh tế; Triển khai các sản phẩm, dịch vụ, các công cụ tài chính trên thị trường tài chính Việt Nam; Các vấn đề về tái cấu trúc kinh tế.
6	PGS.TS. Trương Hồng Trình	Chính sách tiền tệ và tăng trưởng kinh tế; Chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế; Khủng hoảng tài chính và tăng trưởng kinh tế.
7	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ	Tài chính công ty (cấu trúc vốn, mua bán sáp nhập…); Chính sách tiền tệ, tỷ giá của NHTW; Chính sách tài khóa; Đâu tư trực tiếp nước ngoài; Thị trường tài chính.
8	TS. Hoàng Dương Việt Anh	Tài chính công; Mua bán & sáp nhập; Quản trị công ty và các quyết định tài chính của công ty.
9	TS. Nguyễn Ngọc Anh	Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; Quản trị ngân hàng; Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).
10	TS. Phan Đình Anh	Tài chính chuỗi cung ứng; Chuỗi cung ứng bền vững; Tài chính công.

11	TS. Trần Nguyễn Trâm Anh	Quản trị công ty (corporate governance); Mua bán và sáp nhập; Chất lượng báo cáo tài chính (hành vi điều chỉnh lợi nhuận).
12	TS. Thái Thị Hồng Ân	Tài chính công ty; Mua bán & sáp nhập; Tài chính hộ gia đình.
13	PGS.TS. Nguyễn Thành Đạt	Đầu tư doanh nghiệp; Tác động của rủi ro kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán; Lý thuyết trò chơi; Chính sách tiền tệ; Chính sách tài khóa.
14	TS. Nguyễn Thanh Hương	Định giá tài sản; Tài chính công ty; Quản trị công ty; Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính.
15	TS. Hồ Thị Hải Ly	Cấu trúc vốn và các quyết định về vốn của doanh nghiệp; Tài chính bền vững (trên các khía cạnh môi trường, xã hội và quản lý); Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính.
16	TS. Đinh Bảo Ngọc	Tài chính công ty; Quản trị công ty; Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Công cụ tài chính phái sinh.
17	TS. Nguyễn Quang Minh Nhi	Hiệu quả quỹ đầu tư (Fund performance); Nghiên cứu sự kiện; Tài chính công ty; Quản trị công ty.
18	TS. Phan Đặng My Phương	Chính sách tiền tệ và tăng trưởng kinh tế; Đầu tư trực tiếp nước ngoài.
19	TS. Nguyễn Thị Thiều Quang	Quản trị ngân hàng (nguồn vốn, cho vay, thanh khoản, rủi ro, lợi nhuận...); Tín dụng vi mô; Cấu trúc vốn doanh nghiệp
20	TS. Nguyễn Thị Thủy	Quản trị kinh doanh quốc tế, Thanh toán quốc tế.
21	TS. Hồ Hữu Tiến	Tài chính vĩ mô; Tài chính công.

3.3. Dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước liên quan tới ngành đào tạo tiến sĩ

3.3.1. Ngành Kinh tế phát triển

Bảng 5. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành Kinh tế phát triển trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Dự án Erasmus+ trao đổi giảng viên và sinh viên	- Đại học Nice Sophia Antipolis (Pháp), Đại học Cote d'Azur (Pháp); - Liên minh Châu Âu tài trợ.	2018-2020	02	
2	Đề tài cấp Nhà nước: Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đến cơ cấu kinh tế và xác định các ngành có lợi thế phát triển trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam	Chương trình KX.01/16-20	2018-2020	01	Journal of Economics and Management (Scopus, Q3), Journal of Asian Economics (ISI, Q3)
3	Đề tài NCKH liên kết với địa phương	Sở KH&CN Kontum, Sở KH&CN Quảng Nam	2016-2018	01	
4	Đề tài NCKH liên kết với địa phương	UBND Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	2022-2023	-	-

3.3.2. Ngành Quản trị kinh doanh

Bảng 6. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành Quản trị kinh doanh trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Dự án Erasmus+ trao đổi giảng viên và sinh viên	- Đại học Cote d'Azur (Pháp); - Liên minh châu Âu tài trợ.	2018-2020	01	

2	Chương trình Học bổng Canada-ASEAN và Trao đổi Giáo dục để Phát triển (SEED)	- Đại học Québec à Trois-Rivières (Canada); - Chính phủ Canada tài trợ.	2018-2019	01	Tourism Management Perspectives (ISI, Q1)
3	Học bổng của Chính phủ Vùng Wallonie (Bỉ)	- Hiệp hội Logistics vùng Wallonie; - Đại học Liege (Bỉ)	2018-2023	05	Safety Science (ISI, Q1)
4	Đề tài NCKH liên kết với địa phương	- Sở KH&CN Dak Nong, Sở KH&CN Quảng Nam, Sở KH&CN Gia Lai, Sở KH&CN Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế - UBND Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	2016-2023	05	
5	Vai trò mạng xã hội trong việc thúc đẩy hành vi du lịch xanh khi chọn điểm đến: Một nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2019-2021	01	02 bài báo trên tạp chí WoS

3.3.3. Ngành Kế toán

Bảng 7. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành Kế toán trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Dự án Erasmus+ trao đổi giảng viên và sinh viên	- Đại học Nice Sophia Antipolis (Pháp), Đại học Babes – Bolyai (Romani); Đại học Obuda (Hungary); - Liên minh châu Âu tài trợ.	2018-2020	07	Serbian Journal of Management

3.3.4. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Bảng 8. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành Tài chính - Ngân hàng trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Dự án Erasmus+ trao đổi giảng viên và sinh viên	- Đại học Obuda (Hungary). - Liên minh châu Âu tài trợ.	2018-2020	02	
2	Tác động của báo chí truyền thông đến thanh khoản và tính thông tin của giá cổ phiếu, và vai trò của môi trường thể chế quốc gia	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2017-2019	01	Journal of Banking and Finance (ISI, Q1); International Review of Financial Analysis (ISI, Q1), International Review of Finance (ISI, Q1)
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường thông tin và cơ chế quản trị bên ngoài đến các quyết định tài chính và thâu tóm công ty	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2018-2020	01	Emerging Markets Finance and Trade (ISI, Q1) Journal of Multinational Financial Management (ISI, Q1), Asia-Pacific Journal of Accounting & Economics (ISI, Q2)

4	Ảnh hưởng của sự không đồng nhất nhà đầu tư tổ chức đến hiệu quả thị trường chứng khoán và vai trò của môi trường thể chế quốc gia	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2019-2021	01	Finance Research Letters (ISI, Q1); Journal of Multinational Financial Management (ISI, Q1)

3.4. Các hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan tới ngành đào tạo

3.4.1. Ngành Kinh tế phát triển

Bảng 9. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Kinh tế phát triển trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế về "Xóa đói giảm nghèo và Phát triển bền vững Việt Nam – Thái Lan"	2019, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Đại học Leibniz Hannover (Đức)	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/9765/cid/2481
2	Hội thảo quốc tế "Econometrics and Statistical methods - Applications in Economics and Finance	2018, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế - TP. Hồ Chí Mính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/9424/cid/2481
3	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	2017, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội,	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481

			Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	
4	Hội thảo khoa học "Phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên" lần thứ 3 với chủ đề "Chuyển đổi mô hình và tái cấu trúc nền kinh tế"	2019, Kon Tum	Trường Đại học Kinh tế-ĐHĐN; Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum; Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường ĐHKT-ĐH Huế, Viện KHXH Tây Nguyên	https://kontum.udn.vn/index.php?act=ct-tin-tuc&reltt=456-UD-CK-to-chuc-thanh-cong-Hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-Phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-Tay-Nguyen-lan-thu-3-Nam-2019.html
5	Hội thảo khoa học "Phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên" lần thứ 2	2017, Kon Tum	Trường Đại học Tây Nguyên, Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum	https://kontum.gov.vn/pages/detail/9450/Tin-tuc-su-kien.html

3.4.2. Ngành Quản trị kinh doanh

Bảng 10. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế về Quản trị và Kinh doanh	Thường niên, từ 2010 đến nay, Trường	Đại học Heriot-Watt (Vương quốc Anh), Đại học Liège (Bỉ), Đại học Mahasarakham (Thái Lan), Trường Đại học Thương mại (Vietnam), Đại học	http://due.udn.vn/vi-vn/comb

		ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Quy Nhơn, Đại học Nha Trang	
2	Hội thảo quốc tế về Marketing	Hai năm một lần từ 2016 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Đại học New South Wales (Úc), Học viện Công nghệ Cork (Ai-len), Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Tài chính – Marketing cùng Hội Doanh nhân trẻ thành phố Đà Nẵng	http://due.udn.vn/vi-vn/mica/mica-intro/cid/3255
3	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	2017, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481
4	Tọa đàm khoa học quốc gia "Tác động của Covid-19 đến các doanh nghiệp-Góc nhìn từ khu vực miền Trung"	2021, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Nha Trang Hội Khoa học Kinh tế Tp Đà Nẵng	http://due.udn.vn/vi-vn/tintuc/tintucchitiet/id/14206

3.4.3. Ngành Kế toán

Bảng 11. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Kế toán trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế thường niên về Kế toán và Tài chính (ICOAF)	Thường niên, từ 2015 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Quốc gia Yokohama	http://due.udn.vn/vi-vn/icoaf-2021-intro/cid/4348
2	Hội thảo quốc tế về kế toán quản trị, môi trường và phát triển bền vững châu á thái bình dương lần thứ 11	2019, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Hiệp hội Kế toán quản trị và môi trường Châu Á Thái Bình Dương	http://eman-ap.org/
3	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	2017, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481
4	Hội thảo quốc gia về kế toán và Kiểm toán (VCAA 2020)	Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN là đơn vị sáng lập và chủ trì thường niên	Các trường đại học khối Kinh tế và Kinh doanh, chủ trì là UEH, NEU, và DUE	https://www.haui.edu.vn/vn/thong-bao/hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-ve-ke-toan-kiem-toan-nam-2023/64269

3.4.4. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Bảng 12. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế về Kế toán và Tài chính	Thường niên, từ 2015 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Quốc gia Yokohama	http://due.udn.vn/vi-vn/icoaf-2021-intro/cid/4348
2	Hội thảo Quốc tế về Tài chính	Thường niên, từ 2016 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Hiệp hội Tài chính Quốc tế Việt Nam, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội; Trường Đại học Kinh tế - Luật; và Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.	https://vicif.sciencesconf.org/resource/page/id/15
3	Hội thảo quốc tế "Econometrics and Statistical methods - Applications in Economics and Finance	2018, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế - TP. Hồ Chí Mính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/9424/cid/2481
4	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	2017, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481

5	Hội thảo quốc gia Tài chính và Ngân hàng tại Tp Đà Nẵng (DCFB-2020)	2020, Trường Đại học Kinh tế	Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh; Trường Đại học Tây Nguyên	http://due.udn.vn/vi-vn/dcfb
6	Hội thảo quốc tế về biến đổi khí hậu (VSCT-2023)	2023, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN tổ chức	AVSE Global, Đại học Massey (New Zealand)	https://vsct2023.sciencesconf.org/

3.5. Kiểm định chất lượng

Căn cứ theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022 và Quyết định số 134/QĐ-KĐCL ngày 11/3/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo các điều kiện tại Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Ngoài ra Nhà trường đã có 14 chương trình đào tạo bậc đại học được kiểm định chất lượng, trong đó 12 chương trình đào tạo, gồm Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Quản trị khách sạn, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Kinh tế, Quản trị nguồn nhân lực, Kinh doanh thương mại và Quản trị hệ thống thông tin, đã được đánh giá đạt chuẩn chất lượng quốc tế AUN-QA (Tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á); 02 chương trình Luật kinh tế và Quản lý nhà nước được đánh giá đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Nơi nhận:
- ĐHĐN (để b/c);
- Lưu: VT, P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Lê Văn Huy

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC II
DIỆN TÍCH ĐẤT, DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG

TT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng Sở hữu
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng (tại đơn vị)	44.745	44.745
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	30.234	30.234

PHÒNG THỰC HÀNH, XƯỞNG THỰC TẬP, NHÀ TẬP ĐA NĂNG, HỘI TRƯỜNG, PHÒNG HỌC, THƯ VIỆN, TRUNG TÂM HỌC LIỆU

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng (Sở hữu)
1	Phòng thực hành	3	Nghiên cứu, thực hành	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	3382,9	3382,9
2	Nhà tập đa năng	1	Thể dục thể thao	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	950	950
3	Hội trường	2	Hội thảo, sự kiện	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	859,1	859,1
4	Phòng học	89	Nghiên cứu, giảng dạy, học tập	Giảng viên, học viên, sinh viên	19.356,5	19.356,5
5	Thư viện	1	Nghiên cứu, học tập	Giảng viên, học viên, sinh viên	2.365	2.365